

# MẪU NHÃN VỈ XIN ĐĂNG KÝ


Vỉ 5 viên

**TIDALIV**

**MULTIVITAMINS - MINERALS**  
Multivitamin - Khoáng chất

**THÀNH PHẦN / COMPOSITION :**  
Mỗi viên nang chứa / Each soft capsule contains:

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 I.U
Vitamin D3 (Cholecalciferol)	400 I.U
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B1 (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B2 (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B5 (Calcio Pantothenat)	15,3 mg
Vitamin B6 (Pyridoxin Hydrochlorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	6µg
Dibasic calci phosphat	307,5mg
Sắt fumarat	54,76 mg
Kali sulfat	19mg
Đồng sulfat	7,86mg
Magnesi oxyd	66,34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg

 CTY CP DP PHƯƠNG ĐÔNG  
SDK


Vỉ 10 viên

**TIDALIV**

**MULTIVITAMINS - MINERALS**  
Multivitamin - Khoáng chất

**THÀNH PHẦN / COMPOSITION :**  
Mỗi viên nang chứa / Each soft capsule contains:

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 I.U
Vitamin D3 (Cholecalciferol)	400 I.U
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B1 (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B2 (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B5 (Calcio Pantothenat)	15,3 mg
Vitamin B6 (Pyridoxin Hydrochlorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	6µg
Dibasic calci phosphat	307,5mg
Sắt fumarat	54,76 mg
Kali sulfat	19mg
Đồng sulfat	7,86mg
Magnesi oxyd	66,34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg

 CTY CP DP PHƯƠNG ĐÔNG  
SDK

**Ghi chú:** Số lô SX và HD sẽ dập nổi trên vỉ thuốc.

PHƯƠNG ĐÔNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI XUÂN LAI

*b/sung nhãn lần 1 + hqj dấu sd*

Chai 30 Viên nang Mềm

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Pantothenate)	15.3mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Capric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s	per capsule

**Indication, Dosage, Instruction, Contra-indication**  
And The Other Information:  
See in the leaflet  
Specification: in-house  
Store in dry place, below 25°C, protect from light.  
Read Leaflet Carefully Before Use  
Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

**MỖI VIÊN CHỨA:**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B (Calc Pantothenat)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydroclorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcii Dibasic phosphat	307.5mg
Sắt fumarat	54.76 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7.86mg
Magnesi oxyd	66.34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định**  
Và Các thông tin khác:  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Tiêu Chuẩn:** TCCS  
**Bảo Quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.  
**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng Để Xa Tầm Tay Của Trẻ Em**  
SDK / Reg. No.:

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG**  
Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số Lô SX / Batch No. :  
Ngày SX / MFD  
Hạn Dùng / EXP

Chai 60 Viên nang Mềm

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Pantothenate)	15.3mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Capric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s	per capsule

**Indication, Dosage, Instruction, Contra-indication**  
And The Other Information:  
See in the leaflet  
Specification: in-house  
Store in dry place, below 25°C, protect from light.  
Read Leaflet Carefully Before Use  
Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

**MỖI VIÊN CHỨA:**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B (Calc Pantothenat)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydroclorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcii Dibasic phosphat	307.5mg
Sắt fumarat	54.76 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7.86mg
Magnesi oxyd	66.34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định**  
Và Các thông tin khác:  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Tiêu Chuẩn:** TCCS  
**Bảo Quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.  
**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng Để Xa Tầm Tay Của Trẻ Em**  
SDK / Reg. No.:

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG**  
Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam


Số Lô SX / Batch No. :  
Ngày SX / MFD  
Hạn Dùng / EXP

Chai 100 Viên nang Mềm

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Pantothenate)	15.3mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Capric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s	per capsule


**Indication, Dosage, Instruction, Contra-indication**  
And The Other Information:  
See in the leaflet  
Specification: in-house  
Store in dry place, below 25°C, protect from light.  
Read Leaflet Carefully Before Use  
Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

**MỖI VIÊN CHỨA:**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B (Calc Pantothenat)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydroclorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcii Dibasic phosphat	307.5mg
Sắt fumarat	54.76 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7.86mg
Magnesi oxyd	66.34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định**  
Và Các thông tin khác:  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Tiêu Chuẩn:** TCCS  
**Bảo Quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.  
**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng Để Xa Tầm Tay Của Trẻ Em**  
SDK / Reg. No.:

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG**  
Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số Lô SX / Batch No. :  
Ngày SX / MFD  
Hạn Dùng / EXP

CTY CP DƯỢC PHẨM  
PHƯƠNG ĐÔNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI XUÂN LAI

# MẪU NHÃN CHAI XIN ĐĂNG KÝ

Chai 200 Viên nang Mềm

## TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Panthothenate)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Cupric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg

Excipient q.s. per capsule  
**Indication, Dosage, Instruction, Contra-indication**  
 And The Other Information:  
 See in the leaflet  
 Specification: in-house  
 Store in dry place, below 25°C,  
 protected from light.  
 Read Leaflet Carefully Before Use  
 Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.



GMP - WHO

**MỖI VIÊN CHỨA:**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B (Thiamine Nitrat)	2 mg
Vitamin B (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B (Calcium Panthothenat)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydroclorid)	2 mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20 mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Canxi Dibasic photphat	307,5mg
Sắt fumarat	54,76 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7,86mg
Magnezi oxyd	66,34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định**  
 Và Các thông tin khác :  
 Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Tiêu Chuẩn: TCCS**  
 Bảo Quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C,  
 tránh ánh sáng.  
**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng**  
**Để Xa Tầm Tay Của Trẻ Em**  
**SDK / Reg. No.:**

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG  
 Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P Tân Tạo A,  
 Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số Lô SX / Batch No :  
 Ngày SX / MFD  
 Hạn Dùng / EXP

Chai 500 Viên nang Mềm  
Thuốc cung cấp cho bệnh viện

## TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Panthothenate)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Cupric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg

Excipient q.s. per capsule  
**Indication, Dosage, Instruction, Contra-indication**  
 And The Other Information:  
 See in the leaflet  
 Specification: in-house  
 Store in dry place, below 25°C,  
 protected from light.  
 Read Leaflet Carefully Before Use  
 Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.



GMP - WHO

**MỖI VIÊN CHỨA:**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B (Thiamine Nitrat)	2 mg
Vitamin B (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B (Calcium Panthothenat)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydroclorid)	2 mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20 mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Canxi Dibasic photphat	307,5mg
Sắt fumarat	54,76 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7,86mg
Magnezi oxyd	66,34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định**  
 Và Các thông tin khác :  
 Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Tiêu Chuẩn: TCCS**  
 Bảo Quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C,  
 tránh ánh sáng.  
**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng**  
**Để Xa Tầm Tay Của Trẻ Em**  
**SDK / Reg. No.:**

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG  
 Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P Tân Tạo A,  
 Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số Lô SX / Batch No :  
 Ngày SX / MFD  
 Hạn Dùng / EXP

CTY CP DƯỢC PHẨM  
 PHƯƠNG ĐÔNG  
 TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI XUÂN LAI



# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

12 Vỉ x 5 Viên nang Mềm

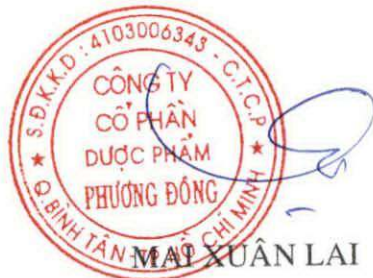
# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

CTY CP DƯỢC PHẨM  
PHƯƠNG ĐÔNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC



**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D <sub>3</sub> (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	2mg
Vitamin B <sub>3</sub> (Calcium Pantothenate)	15.3 mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Cyanocobalamin)	6 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Cupric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s	per capsule

**Indication, Dosage, Instruction, Contra - Indication And The Other Information:**  
See in the leaflet.  
**Specification:** In - house  
Store in a dry place, below 25°C, protect from light.

Read Leaflet Carefully Before Use  
Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

**MỖI VIÊN CHỨA**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D <sub>3</sub> (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B <sub>3</sub> (Calcii Pantothenat)	15,3 mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxin Hydroclorid)	2 mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20 mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Cyanocobalamin)	6 µg
Calcii Dibasic phosphat	307,5 mg
Sắt fumarat	54,76 mg
Kali sulfat	18 mg
Đồng sulfat	7,86 mg
Magnesi oxyd	66,34 mg
Mangan sulfat	3 mg
Kẽm oxyd	5 mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định Và Các thông tin khác:**  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

**Tiêu Chuẩn:** TCCS  
**Bảo Quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.  
**Đặc Kỳ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng Để Xa Tầm Tay Trẻ Em**

SCH / Reg. No.  
Số Lô Sản / Batch No.  
Ngày SX / MFD  
Hạn Dùng / Exp

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG  
Lô 7, Đường 5 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A,  
Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - VIỆT NAM

## MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

12 Blisters x 5 Soft Capsules

# TIDALIV

Multivitamins + Minerals



WHO - GMP

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất





# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

20 Vỉ x 5 Viên nang Mềm

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2,000 IU
Vitamin D <sub>3</sub> (Cholecalciferol)	400 IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15 mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	2mg
Vitamin B <sub>3</sub> (Calcium Pantothenate)	15.3 mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Cyanocobalamin)	6 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Cupric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s.	per capsule

**Indication, Dosage, Instruction, Contra-Indication And The Other Information:**  
 See in the leaflet  
**Specification:** In - house  
 Store in a dry place, below 25°C, protect from light.

Read Leaflet Carefully Before Use  
 Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

**MỖI VIÊN CHỨA**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D <sub>3</sub> (Cholecalciferol)	400 IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B <sub>3</sub> (Calcii Pantothenat)	15,3 mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxin Hydroclorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Cyanocobalamin)	6 µg
Calci Dibasic phosphat	307,5mg
Sắt fumarat	54,76 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7,86mg
Magnesi oxid	66,34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxid	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng,  
 Chống Chỉ Định Và Các thông tin khác :  
 Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

**Tiêu Chuẩn:** TCCS  
**Bảo Quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C,  
 tránh ánh sáng.

**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng**  
**Để Xa Tầm Tay Trẻ Em**

SUK / Reg. No.  
 Số Lô SX / Batch No.  
 Ngày SX / MFD  
 Hạn Dùng / EXP

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG  
 Lô 7, Đường 3 - Khu Tân Tân P. Tân Tân A,  
 Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

20 Blisters x 5 Soft Capsules

# TIDALIV

Multivitamins + Minerals



WHO - GMP

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

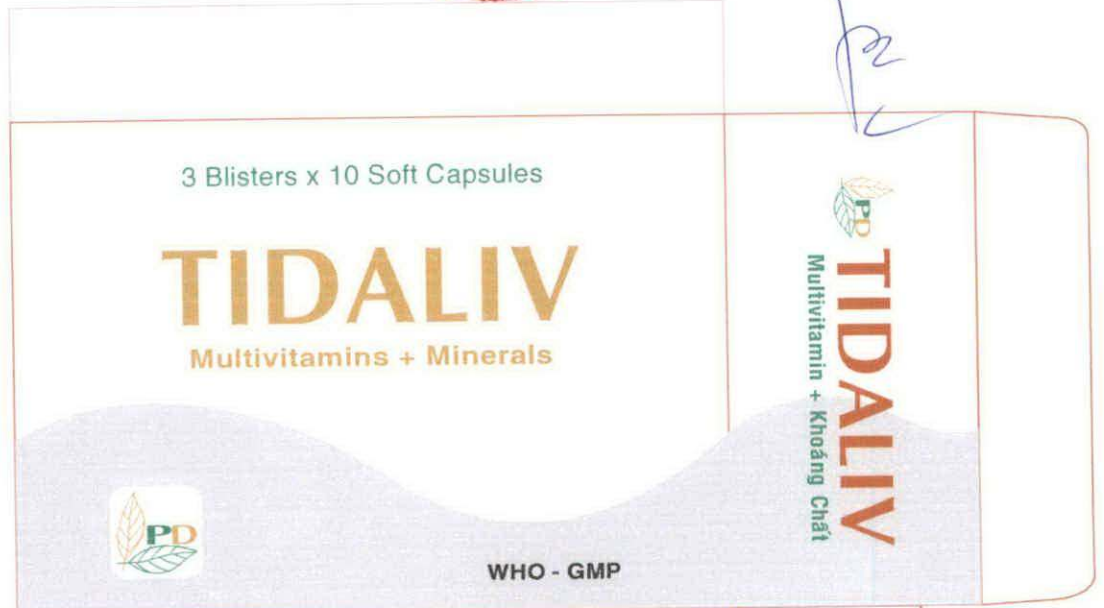


CTY CP DƯỢC PHẨM  
 PHƯƠNG ĐÔNG  
 TỔNG GIÁM ĐỐC



MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

CTY CP DƯỢC PHẨM  
PHƯƠNG ĐÔNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC



3 Blisters x 10 Soft Capsules

# TIDALIV

Multivitamins + Minerals



WHO - GMP

**TIDALIV**  
Multivitamin + Khoáng Chất

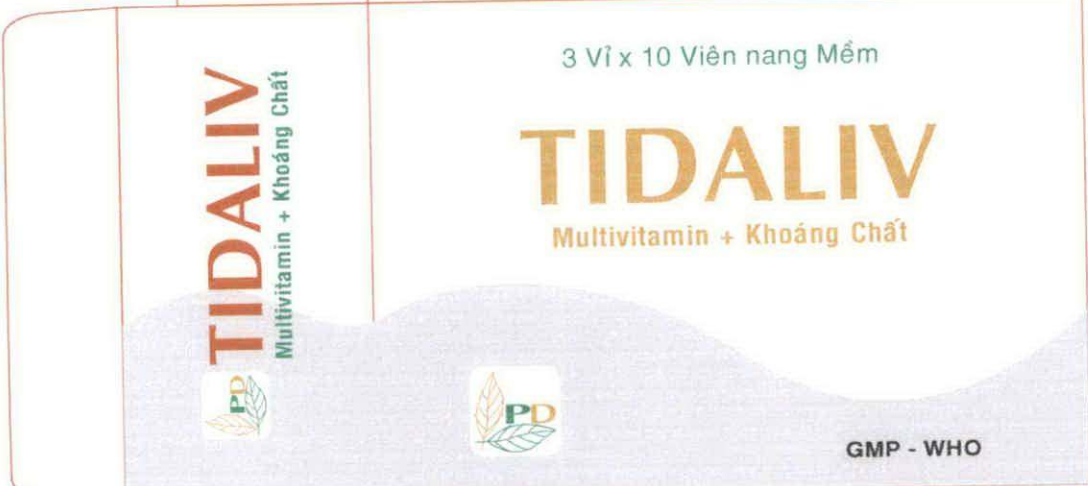
**MỖI VIÊN CHỨA**

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrat)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Panthothenat)	15.3mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydrochlorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	6 µg
Calcii Dibasic phosphat	307.5mg
Sắt fumarat	54.76mg
Đồng sulfat	18mg
Đồng sulfat	7.86mg
Magnesi oxyd	66.34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

**Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định  
Và Các thông tin khác :**  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
Tiêu Chuẩn: TCCS  
**Bảo Quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.  
**Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng  
Để Xa Tầm Tay Trẻ Em**

SDK / Reg. No :  
Số Lô SX / Batch No :  
Ngày SX / MFD :  
Hạn Dùng / EXP :

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG**  
Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A,  
Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam



3 Vỉ x 10 Viên nang Mềm

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

**TIDALIV**  
Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2,000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Panthothenate)	15.3mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Cyanocobalamin)	6 µg
Calcium Dibasic phosphate	307.5mg
Ferrous fumarate	54.76mg
Potassium sulfate	18mg
Cupric sulfate	7.86mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s	per capsule

**Indication, Dosage, Instruction, Contra - Indication  
And The Other Information:**  
See in the leaflet  
Specification: In - house  
**Store in a dry place, below 25°C, protect from light.**  
**Read Leaflet Carefully Before Use**  
**Keep Out Of Reach Of Children**



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

CTY CP DƯỢC PHẨM  
PHƯƠNG ĐÔNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC




Handwritten signature

6 Blisters x 10 Soft Capsules

# TIDALIV

Multivitamins + Minerals



WHO - GMP

Multivitamin + Khoáng Chất

**MỖI VIÊN CHỨA**


Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B (Calcium Panthothenat)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxin Hydrochlorid)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphat	307.5mg
Sắt fumarat	54,75 mg
Kali sulfat	18mg
Đồng sulfat	7.89mg
Magnesi oxyd	66.34mg
Mangan sulfat	3mg
Kẽm oxyd	5mg
Tá dược vừa đủ	1 viên

Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng, Chống Chỉ Định  
Và Các Thông tin khác :  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.  
Tiêu Chuẩn TCS  
Bảo Quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.  
Độc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng  
Để Xa Tầm Tay Trẻ Em  
SDK / Reg. No. :  
Số Lô SX / Batch No. :  
Ngày SX / MFD :  
Hạn Dùng / EXP :  
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG  
Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A,  
Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

6 Vỉ x 10 Viên nang Mềm

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

Multivitamin + Khoáng Chất

**EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:**

Aloe Extract	5mg
Vitamin A (Retinol palmitate/acetate)	2.000IU
Vitamin D (Cholecalciferol)	400IU
Vitamin E (Tocopherol acetate)	15mg
Vitamin C (Ascorbic acid)	10mg
Vitamin B (Thiamine Nitrate)	2mg
Vitamin B (Riboflavin)	2mg
Vitamin B (Calcium Panthothenate)	15.3 mg
Vitamin B (Pyridoxine hydrochloride)	2mg
Vitamin PP (Nicotinamide)	20mg
Vitamin B (Cyanocobalamin)	5 µg
Calcium Dibasic phosphat	307.5mg
Ferrous fumarate	54.75mg
Potassium sulfate	18mg
Cupric sulfate	7.89mg
Magnesium oxide	66.34mg
Manganese sulfate	3mg
Zinc oxide	5mg
Excipient q.s.	per capsule

Indication, Dosage, Instruction, Contra -indication  
And The Other information:  
See in the leaflet  
Specification: In - house  
Store in a dry place, below 25°C, protect from light.  
Read Leaflet Carefully Before Use  
Keep Out Of Reach Of Children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.



# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất

10 Vỉ x 10 Viên nang Mềm

# TIDALIV

Multivitamin + Khoáng Chất



GMP - WHO

CTY CP DƯỢC PHẨM  
PHƯƠNG ĐÔNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI XUÂN LAI

## MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

10 Blisters x 10 Soft Capsules

# TIDALIV

Multivitamins + Minerals



WHO - GMP

# TIDALIV



### MỖI VIÊN CHỨA

Cao Aloe	5mg
Vitamin A (Retinol palmitat / acetat)	2.000 IU
Vitamin D <sub>3</sub> (Cholecalciferol)	400 IU
Vitamin E (Tocopherol Acetat)	15 mg
Vitamin C (Acid Ascorbic)	10 mg
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin Nitrat)	2 mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	2 mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Calcii Pantothenat)	15.3 mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Pyridoxin Hydroclorid)	2 mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	20 mg
Vitamin B <sub>9</sub> (Cyanocobalamin)	6 µg
Calcii Dibasic phosphat	307.5 mg
Sắt fumarat	54.76 mg
Kali sulfat	18 mg
Đồng sulfat	7.86 mg
Magnesi oxyd	66.34 mg
Mangan sulfat	3 mg
Kẽm oxyd	5 mg
Tá được vừa đủ	1 viên

Chỉ Định, Liều Dùng, Cách Dùng,  
Chống Chỉ Định Và Các Thông Tin Khác :

Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng

Tiêu Chuẩn: TCCS

Bảo Quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C,  
tránh ánh sáng

Đọc Kỹ Hướng Dẫn Sử Dụng Trước Khi Dùng

Để Xa Tay Trẻ Em

SĐK / Reg. No.  
Số Lô SX / Batch No.  
Ngày SX / MFG  
Hạn Dùng / EXP

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG  
Lô 7, Đường 2 - KINH TÂY - P. TÂN TÂY A,  
Q. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

*Handwritten signature*

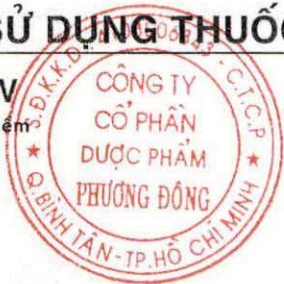
134



# TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

## TIDALIV

Viên nang mềm



### Công thức : Mỗi viên chứa

Cao Aloe .....	5 mg
Vitamin A (Retinol palmitat/ acetat) .....	2.000 IU
Vitamin D <sub>3</sub> (Cholecalciferol ) .....	400 IU
Vitamin E (Tocopherol acetat) .....	15 mg
Vitamin C (Acid ascorbic) .....	10 mg
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin Nitrat) .....	2 mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin) .....	2 mg
Vitamin B <sub>5</sub> (Calci Pantothenat) .....	15,3 mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxin hydroclorid) .....	2 mg
Vitamin PP (Nicotinamid) .....	20 mg
Vitamin B <sub>12</sub> (Cyanocobalamin) .....	6 µg
Calci dibasic phosphat .....	307,5 mg
Sắt fumarat .....	54,76 mg
Kali sulfat .....	18 mg
Đồng sulfat .....	7,86 mg
Magnesi oxyd .....	66,34 mg
Mangan sulfat .....	3 mg
Kẽm oxyd .....	5 mg

Tá dược : Dầu đậu nành, Dầu cọ, Sáp ong trắng, Lecithin, Gelatin, Glycerin, Sorbitol, Vanillin, Methyl paraben, Propyl paraben, Titan dioxyd, màu sắt oxyd (nâu, đỏ, đen)

### Trình bày :

- VI 5 viên, hộp 12 vỉ và hộp 20 vỉ.
- VI 10 viên, hộp 3 vỉ, hộp 6 vỉ, hộp 10 vỉ
- Chai 30 viên, Chai 60 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên và Chai 500 viên.

### Được lực học :

TIDALIV kết hợp với các vitamin và khoáng chất cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho sự chuyển hóa của các chất, có ích cho sự phát triển của cơ thể đồng thời giúp cân bằng nhu cầu vitamin và khoáng chất (Calci, sắt, Kali, Đồng, Magnesi, Mangan) cho các hoạt động hằng ngày.

Vitamin B<sub>6</sub> khi vào cơ thể biến đổi thành pyridoxin phosphat và một thành phần pyridoxamin phosphate. Hai chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hoá protein, glucid và lipid. Pyridoxin tham gia tổng hợp acid gamma – aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobin.

Vitamin PP khi vào cơ thể chuyển hoá thành nicotinamid adenin dinucleotid (NAD), hoặc nicotinamid adenin dinucleotid phosphat (NADP), NAD và NADP có vai trò như một coenzym xúc tác cho các phản ứng oxy hoá – khử thiết yếu cho hô hấp ở mô, chuyển hóa hydrat carbon, acid béo, acid amin.

Vitamin B<sub>1</sub> khi vào cơ thể chuyển thành thiamin phosphat là dạng có hoạt tính là coenzym chuyển hoá carbohydrat làm nhiệm vụ khử carboxyl của các alpha – cetoacid như pyruvat, alpha cetogutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexose monophosphat. Khi thiếu hụt vitamin B<sub>1</sub>, sự oxy hoá các alpha – cetoacid bị ảnh hưởng, làm cho nồng độ pyruvat tăng lên, giúp chẩn đoán tình trạng thiếu vitamin.

Vitamin B<sub>2</sub> tham gia vào các quá trình chuyển hoá lipid, purin, acid amin. Vitamin B<sub>2</sub> còn đóng vai trò quan trọng trong giáng hoá nhiều chất trong cơ thể.

Vitamin A là vitamin tan trong dầu rất cần cho thị giác, cho sự tăng trưởng và sự phát triển và duy trì của biểu mô.

Vitamin C cần cho sự tạo thành collagen, tu sửa mô trong cơ thể và tham gia trong một số phản ứng oxy hóa – khử. Vitamin C tham gia trong chuyển hóa phenylalanin, tyrosin, acid folic, norepinephrin, histamin, sắt và một số hệ thống enzym chuyển hóa thuốc, trong sử dụng carbohydrat, trong tổng hợp lipid và protein, trong chức năng miễn dịch, trong đề kháng với nhiễm khuẩn, trong giữ gìn sự toàn vẹn của mạch máu và trong hô hấp tế bào

### Được động học :

Vitamin A : Nồng độ bình thường của Vitamin A trong huyết tương là từ 300 đến 600 microgam/lit. Trong trường hợp thiếu vitamin A thì nồng độ thấp 100 microgam/lit, còn trong trường hợp quá liều hay ngộ độc thì nồng độ này cao hơn.

Vitamin C : Vitamin C được hấp thu dễ dàng sau khi uống; tuy vậy, hấp thu là một quá trình tích cực và có thể bị hạn chế sau những liều rất lớn. Trong nghiên cứu trên người bình thường, chỉ có 50% của một liều uống 1,5 g Vitamin C được hấp thu. Hấp thu Vitamin C ở dạ dày – ruột có thể giảm ở người tiêu chảy hoặc có bệnh về dạ dày – ruột.

Nồng độ vitamin C bình thường trong huyết tương ở khoảng 10 – 20 microgam/ml. Dự trữ toàn bộ Vitamin C trong cơ thể ước tính khoảng 1,5 g với khoảng 30 – 45 mg được luân chuyển hàng ngày. Dấu hiệu lâm sàng của bệnh scorbut thường trở nên rõ ràng sau 3 – 5 tháng thiếu hụt vitamin C.

Vitamin C phân bố rộng rãi trong các mô cơ thể. Khoảng 25% vitamin C trong huyết tương kết hợp với protein

Vitamin C oxy – hóa thuận nghịch với acid dehydroascorbic. Một số ít vitamin C chuyển hóa thành những hợp chất không có hoạt tính gồm ascorbic acid – 2 – sulfat và acid oxalic được bài tiết trong nước tiểu. Lượng vitamin C quá nhu cầu cơ thể cũng được nhanh chóng đào thải ra nước tiểu dưới dạng không biến đổi. Điều này thường xảy ra khi lượng vitamin C nhập hàng ngày vượt quá 200 mg.

Vitamin PP : Hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa sau khi uống và phân bố rộng khắp cơ thể. Thời gian bán hủy của thuốc khoảng 45 phút. Vitamin PP chuyển hóa ở gan thành N – methylnicotinamid, các dẫn chất 2 – pyridon và 4 – pyridon, và còn tạo thành nicotinuric. Sau khi dùng vitamin PP với liều thông thường, chỉ có một lượng nhỏ bài tiết vào nước tiểu ở dạng không thay đổi; tuy nhiên khi dùng liều lớn thì lượng thuốc bài tiết dưới dạng không thay đổi sẽ tăng lên.

Vitamin B<sub>1</sub> : Sự hấp thu Vitamin B<sub>1</sub> trong ăn uống hàng ngày qua đường tiêu hóa là do sự vận chuyển tích cực phụ thuộc Na<sup>+</sup>. Khi nồng độ Vitamin B<sub>1</sub> trong đường tiêu hóa cao sự khuếch tán thụ động cũng quan trọng. Tuy vậy, hấp thu liều cao bị hạn chế. Khi hấp thu vượt quá nhu cầu tối thiểu, các kho chứa Vitamin B<sub>1</sub> ở các mô đầu tiên được bão hòa. Sau đó lượng thừa sẽ thải trừ qua nước tiểu dưới dạng phân tử Vitamin B<sub>1</sub> nguyên vẹn. Khi hấp thu Vitamin B<sub>1</sub> tăng lên hơn nữa, thải trừ dưới dạng Vitamin B<sub>1</sub> chưa biến hóa sẽ tăng hơn.

Vitamin B<sub>2</sub> : Vitamin B<sub>2</sub> được hấp thu chủ yếu ở tá tràng. Các chất chuyển hóa của vitamin B<sub>2</sub> được phân bố khắp các mô của cơ thể và vào sữa mẹ. Một lượng nhỏ được dự trữ ở gan, lách, thận, tim.

Vitamin B<sub>6</sub> : Vitamin B<sub>6</sub> hấp thu nhanh chóng qua đường tiêu hóa, trừ trường hợp mắc các hội chứng kém hấp thu. Sau khi uống, thuốc phần lớn dự trữ ở gan và một phần ở cơ và não. Vitamin B<sub>6</sub> thải trừ chủ yếu qua thận dưới dạng chuyển hóa. Lượng đưa vào nếu vượt quá nhu cầu hàng ngày, phần lớn đào thải dưới dạng không đổi.

**Chỉ định :**

Bổ sung Vitamin và khoáng chất trong những trường hợp sau : thể chất yếu, chán ăn, loạn dưỡng, gầy mòn, mệt mỏi, stress, phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, trẻ đang tuổi lớn, người lớn tuổi.

**Chống chỉ định :**

Bệnh nhân dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.  
Không dùng kéo dài và cùng với các thuốc có chứa Vitamin A, Calci và Sắt.

**Liều lượng và cách dùng :**

Người lớn : Uống mỗi ngày một viên, uống sau bữa ăn.

**Tác dụng phụ :**

Một số tác dụng có thể xảy ra như : buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, ngứa, khó chịu ở dạ dày, táo bón, nổi ban, đỏ da.

**Vitamin A :** Các tác dụng phụ và tác dụng có hại sẽ xuất hiện khi dùng liều cao dài ngày hay khi uống phải liều rất cao vitamin A như mệt mỏi, chán ăn, sút cân, nôn, rối loạn tiêu hóa, sốt, rụng tóc, tóc khô ròn, môi nứt nẻ và chảy máu, nhức đầu. Ở trẻ em có thể ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc các xương dài. Khi ngừng dùng vitamin A thì các triệu chứng mất dần nhưng xương có thể ngừng phát triển do các đầu xương dài đã cốt hóa quá sớm

**Vitamin E :** Vitamin E không gây tác dụng phụ nào khi dùng ở liều thông thường. Tuy nhiên không dùng vitamin E ở liều cao có thể gây buồn nôn, khó chịu ở dạ dày hoặc ỉa chảy, nứt lưỡi, viêm thanh quản hoặc lão đảo chóng mặt. Những dấu hiệu này thường hiếm gặp nhưng khi có tác dụng phụ thì chủ yếu là những dấu hiệu về tiêu hoá

**Vitamin C :** Buồn nôn, nôn, ợ nóng, mệt mỏi, đỏ bừng, nhức đầu, mất ngủ

**Vitamin B<sub>2</sub> :** Không thấy tác dụng không mong muốn khi sử dụng Vitamin B<sub>2</sub>. Dùng liều cao Vitamin B<sub>2</sub> thì nước tiểu sẽ chuyển màu vàng nhạt, gây sai lệch đối với xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm

**Vitamin B<sub>6</sub> :** Buồn nôn, nôn.

**Vitamin PP :** Liều nhỏ Vitamin PP thường không gây độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao có thể xảy ra những tác dụng sau : Buồn nôn, đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng.

*Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

**Thận trọng khi dùng :**

Cần thận trọng khi dùng các thuốc khác có chứa vitamin A

Phụ nữ có thai không được dùng quá 5.000 IU vitamin A mỗi ngày.

**Vitamin A :** Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A

**Vitamin B<sub>2</sub> :** Sự thiếu Vitamin B<sub>2</sub> thường xảy ra khi thiếu những vitamin nhóm B khác.

**Vitamin C :** Phụ nữ khi mang thai dùng liều cao có thể dẫn đến bệnh scorbut ở trẻ sơ sinh.

**Vitamin B<sub>6</sub> :** Dùng liều 200 mg mỗi ngày, kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc Vitamin B<sub>6</sub>

**Vitamin PP :** Cần thận trọng khi Vitamin PP liều cao trong những trường hợp sau : tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, viêm khớp do gút, và bệnh đái tháo đường

**Tương tác thuốc :**

**Vitamin A :** Không dùng chung với Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng, các thuốc tránh thai, isotretinoin.

**Vitamin E :** Đối kháng với tác dụng của vitamin K, nên làm tăng thời gian đông máu.

**Vitamin C :** Không dùng chung với aspirin, fluphenazin.

**Vitamin B<sub>2</sub> :** Rượu có thể gây cản trở hấp thu Vitamin B<sub>2</sub> ở ruột non. Không dùng chung với clopromazin, imipramin.

**Vitamin B<sub>6</sub> :** Làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson.

**Vitamin PP :** Không sử dụng đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể là tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân, thuốc chẹn alphaadrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức, thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan, với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

**Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc :** Chưa có báo cáo

**Phụ nữ có thai và cho con bú :**

Phụ nữ có thai không được dùng quá 5.000 IU Vitamin A mỗi ngày.

**Sử dụng quá liều :**

**Vitamin C :** Những triệu chứng quá liều gồm sỏi thận, buồn nôn, viêm dạ dày và ỉa chảy. Gây lợi tiểu bằng truyền dịch có thể có tác dụng sau khi uống liều lớn.

**Vitamin PP :** Khi quá liều xảy ra không có biện pháp giải độc đặc hiệu. Sử dụng các biện pháp thông thường như gây nôn, rửa dạ dày, điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

**Vitamin A :** Các triệu chứng đặc trưng khi ngộ độc Vitamin A : mệt mỏi, sút cân, chán ăn, nôn, rối loạn tiêu hóa, sốt, tóc khô ròn, môi nứt nẻ và chảy máu. Trẻ em có thể ngộ độc mạn tính như tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác. Phải ngừng dùng thuốc, điều trị triệu chứng và hỗ trợ

**Bảo quản :** Nơi khô mát (dưới 25°C), tránh ánh sáng.

**Thuốc sản xuất theo TCCS**

**Hạn dùng :** 36 tháng kể từ ngày sản xuất

**CÔNG TY CP DP PHƯƠNG ĐÔNG**

**Tổng Giám Đốc**



**ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG  
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG**  
Lô 7, đường 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM  
ĐT : (08).3.7.540.724, (08).3.7.540.725; FAX : (08).3.7.505.807

**MAI XUÂN LAI**